

PHẬT TỔ THỐNG KỸ

QUYỂN 3

(Phần Hạ)

Năm thứ mười hai (Tân Mão), Phật sai ngài Mục-liên về thưa cùng vua cha và Gia-du rằng: Thái tử La-hầu nay đã được chín tuổi nên cho xuất gia. Gia-du đáp rằng: Như Lai lúc làm Thái tử cưới ta, chưa tròn ba năm thì trốn đến rừng vắng, sáu năm cần khổ chứng quả Phật trở về nước, nay lại muốn bắt con ta, sao tàn ác đến thế! (đây là trở về nước Ca-tỳ-la). Bấy giờ, Mục-liên dùng mọi phương tiện khuyên dỗ nhưng tuyệt nhiên Gia-du không nghe. Đức Thế Tôn bèn sai Hóa nhân ở trên không trung bảo rằng: Nàng có nhớ việc đem năm trăm đồng tiền bằng bạc để mua năm cành hoa sen dâng lên Đức Phật Định Quang chăng? Lúc đó nàng mong đời đời được làm vợ ta. Ta bảo: “Bồ-tát nhiều kiếp đều phát nguyện bố thí tất cả không trái ý người khác.” Nàng bằng lòng nên chịu làm vợ ta. Nàng thề rằng: Tùy ý chàng bố thí thề không hối tiếc. Mà nay nàng lại thương tiếc La-hầu, không cho đi xuất gia. Gia-du Đà-la nghe nói liền nhớ lại việc đời trước rõ ràng như mới hôm qua. Nên lòng thương tự nhiên nguôi lạnh, liền nắm tay La-hầu giao cho ngài Mục-liên.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn liền tập hợp các hào tộc trong nước, mỗi nhà phải cho một đứa con theo với La-hầu. Cả thảy năm mươi cậu cùng đến chỗ Phật. Phật bảo A-nan cạo tóc cho La-hầu và năm mươi công tử. Lại bảo ngài Xá-lợi -phất làm Hòa thượng, ngài Mục-liên làm A-xà-lê. Khi đó La-hầu không thích nghe pháp, Phật bèn nói cho nghe kinh Vị Tăng Hữu, được thọ mười giới, La-hầu liền chứng bốn quả Thánh (theo kinh Vị Tăng Hữu Nhân Duyên). Khi đó vua Tịnh Phạn đến chỗ Phật thưa rằng: Thuở xưa Phật xuất gia còn có Nan-đà, nay Nan-đà cũng lại xuất gia, bao nhiêu tình thương đều đổ dồn vào đứa bé này. Nay lại xuất gia thì rõ là quốc Kế đến sẽ dứt hẳn. Đức Phật bèn nói pháp để an ủi vua. Rồi tập hợp các Tỳ-kheo lập quy chế rằng: “Nếu cha mẹ không bằng lòng thì không được xuất gia.” (theo luật Di-sa-tắc). Đức Phật lại

đến đầm nhơ (uế) nói pháp cho Đà-quật-ma (kinh Thập Nhị Du). Phật lại nói bát quan trai giới cho các Tỳ-kheo (kinh Bát Quan Trai Giới). Lúc đó Phật ở thành La-duyet, có đám mười bảy đứa thiếu nhi, đứa lớn nhất mười bảy tuổi, nhỏ nhất mười hai tuổi vì tín tâm mà xuất gia, được các Tỳ-kheo độ cho đại giới, nhưng đêm lại khóc lóc vì không kham nổi ngày chỉ ăn một bữa. Phật hỏi biết được liền ra quy chế là phải đủ hai mươi tuổi mới cho thọ đại giới (theo luật Bốn Phần). Mỗi nửa tháng Phật đều nói giới. Vì chúng Tăng tập họp một nhọc nên cho mỗi Tăng-già-lam được kết đại giới riêng (Bốn Phần Luật).

Năm thứ mười ba (Nhâm Thìn), Phật trở về nước Ma-kiệt-đề nói Pháp cho vua Phất-ca-sa (kinh Thập Nhị Du). Ngài Bồ-tát Lôu-chí xin Phật lập giới đàn để Tỳ-kheo thọ giới. Phật bảo nên lập ở phía Đông nam ngoài viên Kỳ viên (luật Bốn Phần). Giới đàn được lập trên đất có ba lớp làm ranh để biểu tượng cho ba Không. Trời Đế Thích lại thêm một cái chảo úp để che Xá-lợi. Đại phạm Thiên vương đặt một viên vô giá bảo châu trên cái chảo úp, đó là năm lớp biểu hiện cho năm phần Pháp thân. Viên bảo châu của Phạm vương to bằng chiếc bình năm đấu. Người có phước đức lớn mới nhìn thấy được nó có ánh sáng chiếu xa đến tám trăm do-tuần. Còn kẻ phước mỏng thì thấy nó như đồng mực đen (theo Nam Sơn Giới Đàn Đồ Kinh).

Năm thứ mười bốn (Quý Ty), Đức Phật đến cội cây Khủng cụ nói kinh Bản Khởi cho Bồ-tát Di-lặc (kinh Thập Nhị Du).

Năm thứ mười lăm (Giáp Ngọ), Phật lại trở về nước Ca-tỳ-la nói Pháp cho vua cha và độ dòng họ Thích đến tám vạn bốn ngàn người đều chứng quả Tu-đà-hoàn (kinh Thập Nhị Du). Phật lại trở về quê cũ đi trên không trung cao ngang đầu người khiến vua cha muốn rời đưng chân Phật không cần phải cúi mình (kinh Phân Biệt Công Đức, đây là khiến cha mẹ phải kính lại, để chứng tỏ muốn sinh phước. Nhưng với Phật thì được chứ các Tỳ-kheo ở đời mặt pháp đức hạnh kém e rằng chưa xứng đáng để cha mẹ kính lại). Phật nói cho vua cha và đại chúng về Quán Phật Tam-muội, thân Phật sắc vàng ròng ánh sáng vô lượng. Khi đó năm trăm người dòng họ Thích vì còn tội chướng nên thấy thân Phật là vị Bà-la-môn gầy ốm da đen như than. Phật nói những người thuở xưa mắc tội tà kiến nay xứng niệmc danh hiệu Phật và làm lễ sám hối thì sẽ thấy được thân Phật sắc vàng như núi Tu-di và cầu xin Phật xuất gia thì sẽ được quả A-la-hán (theo kinh Quán Phật Tam-muội).

Khi Phật mới về nước thì bà Đại Ái Đạo xin được xuất gia (tức là Di mẫu của Phật là Ma-ha Ba-xà-ba-đề) xin đến ba lần vẫn không cho.

Khi Phật trở về nước lại thì lại xin xuất gia nữa và cũng như trước Phật vẫn không cho. Ngài A-nan bạch Phật: Bà Đại Ái Đạo hết lòng muốn thọ trì pháp luật, mong Phật chấp thuận. Phật bảo: Muốn vậy thì phải trọn đời tuân giữ pháp Bát Kính. Khi ấy bà Đại Ái Đạo được xuất gia, là vị Tỳ-kheo-ni đầu tiên (theo kinh Trung Bản Khởi). Tỳ-kheo-ni phải thọ trì pháp Bát Kính là:

1. Tỳ-kheo-ni trăm tuổi vẫn phải lạy vị Tỳ-kheo mới đủ một hạ.
2. Tỳ-kheo-ni không được chê mắng thầy Tỳ-kheo.
3. Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi của Tỳ-kheo nhưng Tỳ-kheo được nói lỗi của Tỳ-kheo-ni.
4. Thức-xoa-ma-na phải theo Tăng chúng mà cầu xin thọ đại giới.
5. Tỳ-kheo-ni phạm tội tăng tàng mỗi nửa tháng phải ở giữa hai bộ Tăng mà làm Ma-na-đỏa.
6. Tỳ-kheo-ni trong mỗi nửa tháng phải ở trong Tăng bộ mà cầu giáo thọ.
7. Tỳ-kheo-ni không được kiết hạ an cư ở chỗ không có Tỳ-kheo.
8. Tỳ-kheo-ni hạ chưa giải phải đến chỗ chư Tăng xin người đến tự bốn (Bốn Phần Luật).

Phật bảo A-nan rằng: Sau khi ta diệt độ thì chánh pháp còn một ngàn năm, nay do có người nữ xuất gia xuống còn năm trăm năm. Sau khi dạy cho pháp Bát Kính thì trở lại là một ngàn năm (theo pháp Trụ Ký của Thiện Kiến Luận).

Lời thuật rằng: Như Lai ở tại mười sáu đại quốc trong mười hai năm mà thuyết giáo độ người, ngài đã nói bốn kinh A-hàm và tóm tắt các điều dạy răn của bảy Đức Phật. Đến năm ấy mới bắt đầu rộng nói về giới tức hai trăm năm mươi giới của Tỳ-kheo và năm trăm giới của Tỳ-kheo-ni. Tuy hai chúng phạm đâu thì chế cấm giới đó, nên sau đó Phật kết tập thành các điều chương để làm căn bản cho người xuất gia tuân giữ.

Thời thứ ba là Phương đẳng, là thị hiện một cõi Phật mà có sạch như không đồng, hiện bày một thân mà có lớn nhỏ khác nhau, dùng một thứ tiếng nói pháp mà tùy loại đều hiểu, vì thần lực không chung nên có sạch như, nghe thì có khen chê, ngửi thì có Chiêm-bạc và không Chiêm-bạc, như hoa thì có đeo vào thân hoặc không đeo. Như tuệ thì có như thế hoặc không như thế. Như thế thì gọi Tịnh Danh Phương Đẳng (Huyền Kinh quyển 11).

Kế nói Phương đẳng, tức là Kế đến Tiểu thừa nói Đại thừa. Đức

Phật vốn muốn trao cho chúng sinh pháp Đại thừa, nhưng vì họ không kham nổi, nên từ Đại mà nảy sinh ra Tiểu thừa để khiến họ đoạn dứt các kết mà thành tánh. Tuy là có việc giúp ích này nhưng không phải là điều mong muốn của Phật. Do đó mà tiếp theo nói các kinh như Phương đẳng, Duy-ma, Tư Ích và Ương-quật-ma-la (Ương-quật-ma-la, Hán dịch là Nhất Thiết Thế Gian Hiện, là con của Bà-la-môn, năm mươi hai tuổi mà sức vóc bằng một người lớn hoàn toàn. Cậu ta đến trước Phật nói kệ, Phật khen lành thay, liền thành Sa-môn, cúi lạy dưới chân Phật và thành A-la-hán. Ngài quả trách mười chúng đệ tử của ngài Văn-thù như Đế Thích, Phạm thiên, Bốn Thiên Vương... Đức Phật bảo: Ở phương Nam có nước Nhất-thiết Bảo Trang Nghiêm, có Phật tên Đại Tinh Tấn tức là Ương-quật-ma-la đây vậy. Diệu Huyền quyển mười nói rằng: Kinh Ương-quật được nói trong sáu năm, kinh này được nói sau thành đạo sáu năm, nay Đại sư dẫn chứng coi là thời thuyết giáo thứ ba, do lấy xưa kể vào nay vậy). Quả trách hàng Tiểu thừa ôm chặt lấy quả vị (chỉ riêng hàng Thanh văn) chê trách lỗi Tam tạng đoạn diệt (gồm cả hàng Bồ-tát Độn căn). Cho nên Thân Tử và Thiện Cát chuyên về Tiểu thừa, ngài Thân Tử không nghe oai đức của Đại thừa, Thiện Cát mù mịt nên bị mất bát (kinh Tịnh Danh nói: Tu-bồ-đề thưa: Khi xưa con khát thực thì Duy-ma-cật lấy bát của con đựng đầy cơm rồi bảo rằng: Nếu có thể đổi việc cơm nước bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng. Nếu đổi các pháp bình đẳng thì ăn uống cũng bình đẳng. Khát thực như thế thì mới có thể lấy thức ăn. Nếu chê Phật hủy pháp thì không được nhập chúng, trọn không được diệt độ. Ông nếu được thế thì mới được lấy thức ăn. Lúc đó thưa Thế Tôn, con nghe nói thế thì mù mịt không biết trả lời sao, bèn để bát cơm đó định ra khỏi nhà. Ngài Thân Tử sợ việc dính hoa (trong nhà Duy-ma, có một Thiên nữ bảo ngài Xá-lợi -phát rằng: Kết tập chưa xong thì hoa dính đầy mình, kết tập xong rồi thì hoa không dính nữa). Vì không biết lời nói ấy thế nào nên không biết đáp ra sao (Thích Thiêm nói rằng: Lấy không trí làm chủ ở nhân đạo, nên mượn việc của hai người này). Song Phương đẳng quả trách giáo ở sau Tam tạng, lúc bị quả trách thì ở vào mười hai năm trước (tức thời Lộc uyển thì trước Phương đẳng mười hai năm. Cựu dịch nói là trong mười hai năm là lầm). Làm sao biết được? Ấy là do tìm thấy các lời kể thuật quả trách xưa mà nghiệm ra việc trước. Những ai đã nhờ giáo pháp mà đắc đạo, chứng bậc Vô học, mong báo đền ân sâu của Phật, tâm tướng thể tín, không còn giận dữ. Từ xưa đến nay đã mặc tình chê bai Ương-quật và Tịnh Danh, nay đã được cái lợi then bỏ Tiểu thừa mền mộ Đại

thừa (Diệu Huyền 10). Chê Thiên bài Tiểu, thán Đại khen Viên (Diệu Huyền 10).

Về chư Thiên, như phẩm Bồ-tát của kinh Tịnh Danh quở trách ngài Di-lặc rằng: Thế Tôn thọ ký cho nhân quả là dùng thời nào mà thọ ký, thời quá khứ hay vị lai hay hiện tại? Tất cả chúng sinh đều tập theo tướng Bồ-đề. Nếu Di-lặc diệt độ thì tất cả chúng sinh cũng phải diệt độ. Lại bảo: Về Bồ-đề, thì không thể lấy thân mà được, không thể lấy tâm mà được. Lại kinh Ma-la nói: Ngài A-la-hán Ương-quật chê trách mười hàng đệ tử Thích, Phạm, BốnThiên vương... của ngài Văn-thù, là lấy Viên mà chê trách cái Thiên của Tam giáo.

Về bài Tiểu, như phẩm Đệ Tử, ngài Mục-liên nói pháp cho Cư sĩ, thì ngài Tịnh Danh quở rằng: Phạm nói pháp thì phải nói đúng như pháp, tức không có danh tự. Vì nói năng đều dứt nên pháp không có nói. Vì lìa giác quán là cái dụng biểu hiện Tam giáo, để phá ba thứ không nên của ngài Mục-liên:

1. Bên ngoài nói tướng như pháp, bên trong hiểu tướng như pháp, là dùng “Thông giáo tức không” mà bài bác cái “Chẳng tức không”. Vậy nói pháp không đúng lý.

2. Bên ngoài hiểu rõ căn duyên, bên trong khéo tri kiến được vô quái ngại, là dùng biệt mà phá.

3. Bên ngoài luôn từ niệm chúng sinh, bên trong nghĩ báo đền ân Phật là dùng viên mà phá. Lại Ương-quật chê trách mười hàng đệ tử là lấy cái đại của Thánh môn tam giáo mà bài bác cái Tiểu của Tạng.

Về thán Đại, như phẩm Chúng Sinh. Ví như người ảo thuật thấy kẻ bị nạn thế nào thì Bồ-tát quán thấy chúng sinh cũng thế. Như người trí thấy trăng trong nước, bóng trong gương, ánh lửa trời nóng thì Bồ-tát thấy chúng sinh cũng thế. Nay chung ví dụ chúng sinh tức là cái ý hai giáo Thông Viên vậy.

Về khen Viên, ngài Văn-thù bạch Phật rằng: “Bậc Thượng Nhân kia không ai đối đáp bằng, thấu suốt thật tướng, khéo nói pháp yếu.” Đây là khen ngài Tịnh Danh vậy. Khi ngài Văn-thù vào nhà ngài Tịnh Danh, Ngài Tịnh Danh nói rằng: Thiện lai, Văn-thù! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy! (Đây là khen ngợi ngài Văn-thù vậy).

Bốn giáo cùng nói, Tạng là chữ Bán, Thông Biệt Viên là chữ Mãn, đối Bán mà nói Mãn, nên nói là Đối giáo (kinh Niết-bàn nói: Ví như Trưởng giả chỉ có một đứa con trai, lòng luôn thương nhớ, ngày đêm ân cần chỉ dạy có chữ Bán mà không dạy chữ Mãn, bởi do sức người con

chưa kham nổi vậy. Bán là chín bộ Tiểu thừa, Mãn là mười hai bộ Đại thừa. Ước về người và về lý so sánh có thể biết).

Nếu ước về thời, tức là giờ ăn (giờ Thìn, ánh sáng từ Đất bằng chiếu ra).

Nếu ước về vị thì từ lạc sinh ra sinh tô, đây là từ Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng (Diệu Huyền quyển 10).

Phẩm Tín Giải nói: Từ đây về sau tâm tướng thể tín nhập và xuất đều không nghi nan (Văn Cú nói rằng: Tướng, lẫn với tín. Nghĩa là đối với Tam tạng mà được Niết-bàn thì không hư dối. Nay nói cho Bồ-tát pháp Đại thừa này thì cũng không hư dối. Đây tức là con tin cha. Phật biết những ai đã diệt hết Kiến, Tư hoặc thì nghe pháp Đại thừa sẽ không chê bai, kẻ vô lậu lợi căn lắng nghe và sinh lòng tin. Đây là cha tin con vậy. Do đây mà thấy được thân tôn quý. Nghe giáo Đại thừa thì gọi là Nhập. Lại bị quở trách là còn thấy thân tượng sáu. Nói pháp Tiểu thừa thì gọi là xuất, tức Đại Tiểu xuất nhập mà không còn nghi nan. Song nơi ở thì vẫn là chỗ cũ (tuy nhập xuất mà không nghi nan thì được vào Đại thừa, mà gọi là việc của Bồ-tát, không phải do trí mình phân biệt, không nhất định phải quay Tiểu hướng về Đại, cũng vẫn ở bậc A-la-hán, mà không nói là ở vị lai sẽ được làm Phật).

Đây nên hiểu thế nào? Đây là nói sau Tam tạng, Kế đến nói Phương đẳng, đã được đạo quả rồi thì tâm tướng thể tín. Nghe Đại thừa thì gọi là nhập, trụ ở Tiểu thừa thì gọi là xuất. Quả mắng nói khó thì gọi là không nghi nan. Lại tiến vào bên trong nhà thì thấy được các quần thần hào tộc đầy sức đại công đức, nên gọi là nhập. Còn xuất là chỉ nghỉ qua đêm ở am cỏ Nhị thừa cảnh giới, nên gọi là xuất. Tâm tướng thể tín, nghĩa là chứng quả A-la-hán rồi thì nghe mắng không còn sân giận mà trong tâm lại hổ thẹn, không dám lấy pháp của Thanh văn, Bích-chi ra dạy người khác nữa (Diệu Huyền, quyển 10). Kinh Tịnh Danh nói: A-nan bảo rằng: “Lúc đó tôi thật hết sức hổ thẹn.” Kinh Pháp Hoa nói rằng: Than ôi tự trách sâu sắc rằng vì sao lại tự khinh mình. Đây là tủi thẹn về Tiểu thừa. Không biết làm thế nào để được tuệ vô thượng của Phật (đây là mền mộ Đại thừa vậy).

Bộ giáo Phương đẳng lập tên - Cựu Kinh nói Phương đẳng lập tên chỉ là phân biệt sự lý chứ chưa đủ để đến tận cùng nghĩa của nó. Nay dựa vào văn các kinh Số Ký mà giải thích tường tận. Kinh Quang Minh nói rằng: “Có một vị Tỳ-kheo đọc tụng kinh điển Đại thừa Phương đẳng.” Quang Minh Huyền nói rằng: “Giáo của Phương đẳng thông suốt cả ba thừa.” Kinh Tân Bản nói: “Muốn sinh vào hàng trời người,

muốn chứng bốn quả Bích-chi-phật, muốn được quả Phật... đều phải Sám hối để diệt trừ tội chướng. Đâu chỉ ở Phương đẳng?”. Tục Di Ký nói rằng: “Tên Phương đẳng có hai nghĩa:

1. Như Đại Kinh từ lạc mà sinh ra sinh tô, cũng như Tu-đa-la mà sinh ra Phương đẳng. Đây là ước vào thời thứ ba gọi là Phương đẳng, tức là ích lợi cả các cơ ba thừa bốn giáo.

2. Còn như Phổ Hiền quán gọi Phương đẳng, là nói thẳng về viên lý. Nay sở dĩ phải dẫn Phương đẳng vì e bảo là đồng với Phổ Hiền quán.

Từ Lý mà đặt tên nên phải dẫn văn Tam Thừa Sám Hối, để xác định tên này đích thị là từ bộ giáo Phương đẳng chứ không phải chuyên về Sự Lý. Các văn luận về Phương đẳng có ba thuyết:

1. Theo Sự, Đại Kinh từ Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng, là kinh Vô Lượng Nghĩa. Kế nói về Phương đẳng. Thích Thiêm điều hợp sinh tô, bài xích Phương đẳng, kinh Quang Minh đọc tụng Đại thừa Phương Đẳng, Quang Minh Huyền, giáo của Phương đẳng thông cả ba thừa... đều chỉ vào thời giáo thứ ba.

2. Theo Lý, kinh Phổ Hiền Quán nói kinh Phương đẳng này là mắt của chư Phật.

3. Sự Lý đều thông, kinh Chỉ Quán nói rằng Bát-nhã có bốn phương pháp, tức là bốn môn vào ao Thanh lương, tức là Phương vậy. Cái Lý được khế hợp bình đẳng với đại tuệ tức là đẳng vậy.

Nay thời thứ ba căn cứ vào Tứ minh mà lập nghĩa, đích thực là từ Bộ Giáo để xác định tên này mà không phải chuyên về Sự Lý vậy.

Năm thứ mười sáu (Ất Mùi). Phật ở tại vườn cây Yêm-la trong thành Tỳ-da-ly nói kinh Duy-ma-cật (Tỳ-da-ly, Hán dịch là rộng lớn nghiêm tịnh. Yêm-la, Cựu dịch là Nại, hình nó giống trái lê, hoa nhiều hạt ít. Duy-ma-cật, Hán dịch là Tịnh Danh, ba thứ cấu hoặc đã hết có đại danh xưng đây là bộ chủ của kinh Phương đẳng).

Năm thứ mười bảy (Bính Thân). Phật nói Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn Kinh (kinh nói: Phương Đông có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Quang, có Bồ-tát Phạm thiên tên là Tư Ích đến đây hỏi Phật).

Năm thứ mười tám (Đinh Mậu). Phật ở trên đỉnh núi Lãng-già bên bờ Nam hải, nói kinh Lãng-già A-bạt-đa-la Bảo, ngài Đại Tuệ Bồ-tát hỏi Đức Thế Tôn rằng: Ngoại đạo còn ngăn cấm không cho ăn thịt, huống là Đức Như Lai Đại Bi thương xót chúng sinh mà cho phép mình và người được ăn thịt ư? Đức Phật đáp lời Bồ-tát rằng: Có nhiều nguyên nhân không được ăn thịt. Nghĩa là tất cả chúng sinh từ xưa đến nay do

xoay vần thường làm bà con với nhau, vì là thân thuộc nên không được ăn thịt. Thân thể là do những thứ bất tịnh nuôi lớn. Do đó không nên ăn thịt. Chúng sinh chỉ nghe hơi đều rất sợ sệt như bọn Chiên-đà-la. Do đó không nên ăn thịt. Vì ăn thịt khiến các chú thuật không linh nghiệm, do đó không nên ăn (Hoa Nghiêm Sao nói rằng: Núi Lăng-già là nơi ở của loài Dạ-xoa-la-bà. Hán dịch là Không thể tới, chỉ kẻ có thần thông thì mới đến được. A-bạt-đà-la, Hán dịch là Du nhập, nghĩa là các đại chúng của Phật vượt đến bờ kia của biển, nhận lời mời của vua Dạ-xoa bay lên không trung mà đến. Thích Thiêm nói rằng: Như trong số kinh Đại thừa thì kinh Phạm Võng đứng đầu, nói thế này: Nên biết Lăng-già được nói sau bốn kinh A-hàm, là Tiệm giáo đầu tiên. Phật đáp lời Bồ-tát không nên ăn thịt, nên biết vẫn còn ở trong phần Tiểu giáo). Lại nói kinh Kim Quang Minh, kinh Lăng-nghiêm Tam-muội (Lăng-nghiêm, Hán dịch là Kiện Tướng, vì phân biệt các thứ Tam-muội nhiều ít, cạn sâu, cũng như vị đại tướng biết rõ sức của binh lính nhiều ít, thấy rõ cờ quạt thứ lớp, Kinh Thắng Man Phu nhân (nói đầy đủ là Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Phương Tiện Đại Phương Quảng Kinh, Thích Thiêm nói: Thắng Man là con gái của Mạt-lợi Phu nhân. Mạt-lợi và vua đã tin Phật nên viết thư cho con gái. Cô này nói kệ với sứ giả rằng:

*Ngưỡng mong Phật Thế Tôn
Ra đời vì chúng sinh
Cũng nên thương xót con
Hãy mau đến nơi này.*

Vừa nghĩ như thế thì Phật hiện lên không trung và nói kệ rằng:

*Như Lai diệu sắc thân
Thế gian không ai bằng
Không sánh khó nghĩ bàn
Thế nên hay tin lễ.*

Mạt-lợi là cô gái do cây mít sinh ra, là phi của vua Ba-tư-nặc.

Năm thứ mười chín (Mậu Tuất), khi Phật mới thành đạo, vào năm thứ mười sáu, Phật biết các Bồ-tát gánh vác pháp tạng. Ở trong khoảng hai cõi trời Dục và Sắc giới, xuất hiện một thêm sáu, triệu tập rộng rãi đại chúng chư Phật Bồ-tát mười phương đều cùng lên thêm sáu. Đức Phật bay lên không trung mà nói kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập. Các Bồ-tát muốn đến nhập hội thì tùy theo đức độ của mình mà hiện tướng. Như ngài Không Tạng thì hiện ra khoảng không, ngài Hải Tạng thì hiện ra nước, nhưng đều không thấy các ngài mà đại chúng chỉ thấy khoảng không và nước (các Bồ-tát khác thì hiện tướng đều thuộc loại này).

Lúc bấy giờ các Thiên long cùng nói rằng: Từ nay trở đi bọn chúng con nguyện hộ trì chánh pháp, nếu các quốc vương có đánh đập những kẻ xuất gia trì giới hoặc hủy giới thì chúng con sẽ không hộ trì nước ấy nữa. Hàng đệ tử Thanh văn sẽ đều hưởng về nước khác, khiến cõi nước ấy không còn phước điền, khiến cõi nước ấy khởi lên các dịch bệnh đói kém đao binh, gió bão hạn hán phá hoại mùa màng. Khi ấy Đức Thế Tôn phó chúc cho Tỳ-thủ Yết-ma Thiên tử, Ca-tỳ-la Dạ-xa Đại tướng, mười bảy Thiên nữ mất hai tròng, mỗi người cùng với năm ngàn quyến thuộc... Các ông nên hộ trì cõi nước Chấn Đán, nếu ở đó có xảy ra các việc như cãi cọ, tranh đấu, chiến trận, đói kém, dịch bệnh, gió mưa lạnh nóng... thì nên khiến dứt hết và hãy khiến pháp nhãn của ta ở lâu trên đời. Phật bảo ngài Di-lặc và các Bồ-tát: Ta nay vì thương xót các chúng sinh nên phân các quả báo này làm ba phần: Một phần để tự thọ dụng, một phần dành cho các Thanh văn tương ứng với thiền giải thoát Tam-muội kiên cố, sau khi ta diệt độ, khiến họ không thiếu thốn và một phần dành cho người cạo đầu mặc áo ca-sa tụng kinh Thanh văn mà phá giới ở thời chánh pháp hay tượng pháp khiến họ không thiếu thốn. Chớ khiến các ác vương cùng nhau hại nhau và xin gởi các hàng thí chủ vào tay các ông (theo Đại Tập Kinh, Phật Tạng Kinh nói phải nên một lòng tu hành chớ nghĩ đến việc ăn mặc, trong tướng bạch hào của Như Lai đã dành một phần cúng dường cho các đệ tử xuất gia trong đời mạt pháp đều không hết được. Phật nói: Giả sử có người xuất gia mà không trì giới thì người ấy cũng đã được giấu ẩn Niết-bàn rồi. Nếu như có kẻ đến đánh mắng hoặc giựt y bát và các vật cần dùng của họ, thì kẻ ấy phá hoại báo thân của chư Phật, móc bỏ tất cả tai mắt của hàng trời người và mọi sự xử đoán của các quốc vương quần thần. Như thấy kẻ xuất gia tạo các tội nghiệp lớn như đại sát, đại đạo, đại ô uế, phạm hạnh, đại vọng ngữ và các việc bất thiện khác, thì chỉ đuổi họ ra khỏi nước, không cho ở chùa để đồng sự với các Tăng chúng, chứ không được đánh đập chửi mắng hạ nhục và các thứ hình phạt khác. Nếu ai cố tình trái pháp mà hình phạt thì kẻ ấy xa lìa hàng trời người, tất phải đọa địa ngục, hưởng là đánh mắng người xuất gia giới hạnh đầy đủ ư? (Kinh Đại Tập).

Ngài Xá-lợi -phất... bạch Phật rằng: Chúng con tuy được gọi là con Phật, nhưng đều là lỗi của Như Lai chứ không phải lỗi chúng con. Vì sao? Vì nếu Như Lai quyết bảo là không có Tam thừa thì há chúng con không thành Chánh giác sao? Vì sao Như Lai không cho chúng con thấy nghe dự vào hàng Thánh? Lúc đó, ngài Thân Tử... đều cởi bỏ y và khóc lóc, cả đại thiên đều rung động mạnh (kinh Anh Lạc).

Lời thuật rằng: Kinh Anh Lạc nói: Ngài Xá-lợi -phất sau khi bị quả trách thì tâm dần dần hướng về Đại thừa nhưng cũng còn oán lời Phật nói, cho rằng: “Nếu không có Tam thừa thì chúng con đã thành Chánh giác rồi. Đây đều là lỗi của Như Lai chứ không phải lỗi của chúng con.” Kịp khi đến thời Pháp hoa nói pháp đầy đủ thì bảo rằng: “Chúng con đồng nhận pháp tánh. Vì sao Như Lai lấy pháp Tiểu thừa để mà hóa độ cho, ấy là lỗi của chúng con chứ không phải lỗi của Thế Tôn.” Thế mới biết kinh Anh Lạc nói khi không hiểu phương tiện thì lỗi ở Phật, khi nhờ Pháp Hoa mà nhập vào pháp tánh thì lỗi ở mình.

Phật ở tại tinh xá Kỳ hoàn. Lúc đó vua Ba-tư-nặc cúng giỗ cha, tổ chức tiệc trai mời Phật vào cung thiết đãi. Lúc đó trong thành cũng có các Trưởng giả Cư sĩ cúng dường trai phạn, đợ Phật đến dự. Phật bèn sai ngài Văn-thù chia lãnh các Bồ-tát và A-la-hán đến thọ thực với các trai chủ. Chỉ có A-nan đi xa chưa về, ngài đang một mình trên đường về. Hôm đó vì Phật và chúng Tăng đều đi chứng trai không ai cúng, nên ngài ôm bát vào thành thứ lớp khát thực thì gặp nàng Ma-đăng-già dùng chú Phạm thiên bắt ngài vào dâm thất. Như Lai lúc đó biết việc, khi thọ trai xong trên đường về, ngài liền phóng từ đỉnh một luồng sáng trăm báu có hoa sen báu ngàn cánh trên đó đều có hóa Phật ngồi kiết già tuyên nói thần chú, Phật lại sai ngài Văn-thù đến đọc chú dứt A-nan và Ma-đăng-già đến chỗ Phật. Ngài A-nan gặp Phật bèn đánh lễ khóc lóc tiếc cho mình từ vô thủy đến nay chỉ ham học nên đạo lực chưa đầy đủ. Liên ân cần thưa hỏi về phương tiện đầu tiên được quả Bồ-đề của mười phương Như Lai. Đức Phật bèn nói cho A-nan pháp tên là Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm Kinh (Lâm Gian Sáu nói: Các bậc Trí nghe ở Thiên Trúc có kinh Thủ-lăng-nghiêm thì luôn cầu nguyện kinh sớm đến cõi này).

Lời thuật rằng: Cả một đời thuyết giáo cốt yếu cuối cùng là ở chỗ khai hiển, mà công khai hiển mẫu nhiệm nhất thì phải quy cho Pháp Hoa. Các kinh khác có nói về Viên thì đều là nghĩa của Phương Đẳng Tứ Giáo cùng nói, mà Cô Sơn thì muốn xem Lăng-nghiêm đồng với Pháp Hoa về vị đề hồ. Ấy là không nghĩ rằng Phương đẳng là kinh bao gồm mà mất đi ý chỉ, Pháp Hoa là thuần nhất không xen tạp vậy.

Thuật rằng: Phật nói kinh Phương đẳng đến đây đã được tám năm. Nay chỉ nêu các kinh đương thời để thấy nghĩa mà Tứ giáo đều nói.

Thời thứ tư là Bát-nhã, người lớn thì trông nhờ cái dụng của ánh sáng, còn trẻ em thì chết vì ánh sáng. Cho nên văn có nói: Chỉ nói với

Bồ-tát sự thực ấy mà không nói cho ta cái chân yếu này. Tuy là ba người cùng học nhưng chỉ có hai người được chứng, nói đầy đủ như ở Đại Phẩm (Huyền Kinh quyển một, Thích Thiêm nói: Bồ-tát nhờ ánh sáng Bát-nhã là dụng của các pháp, còn hàng Nhị thừa như đứa trẻ mới sinh được bảy ngày, nếu nhìn vào mặt trời thì sẽ mù mắt. Vì vô minh hoàn toàn có nghĩa như là chết).

Kế nói các kinh Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm, Hải Không, Lịch Kếp Tu Hành, đây là sau thời Phương đẳng mà nói về Đại Phẩm, Đại Phẩm hoặc nói về vô thường, vô ngã hoặc nói về không, hoặc nói về bất sinh bất diệt đều trải qua từ sắc tâm cho đến bậc Nhất thiết chủng trí. Mỗi câu hỏi chuyển nói rõ pháp tu hành. Lại có trăm ngàn Tỳ-kheo, vạn ức trời người chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. Người ở bậc Bích-chi-phật, nghiệm ra là cộng Bát-nhã còn nói Hoa Nghiêm, Hải Không, (Thích Thiêm nói: “Còn nói” trở đi là nói về “bất cộng Bát-nhã”, “Cộng” thì chung Thông cả Nhị thừa, còn “bất cộng” thì là Biệt Viên, không chung với Nhị thừa). là căn cứ vào pháp tánh luận thì Độn căn Bồ-tát có ba chỗ nhập pháp giới: Một là Bát-nhã; hai là Pháp Hoa; ba là Niết-bàn. Nhân nghe Bát-nhã mà nhập Pháp giới tức là Hoa Nghiêm Hải Không (Diệu Huyền quyển 10). Kế đến nói Bát-nhã chuyển giáo, phó tài, Dung thông, đào thải. Trong thời Bát-nhã này không nói tạng giáo, không kèm thêm hai thứ Thông Biệt mà chính nói về Viên giáo thôi (Tứ Giáo Nghi, tập Giải nói rằng: Chuyển giáo, là tu Bồ-đề thì chuyên hiểu về không, Xá-lợi thì chuyên về trí tuệ, Phật dùng Bát-nhã là pháp không tuệ để gia bị cho hai vị ấy chuyển làm Bồ-tát nói các pháp không, chẳng điều gì là chẳng thanh tịnh, từ đây trở đi chuyển độ người khác. Kinh nói rằng: Chúng ta tuy bị các thứ đào thải, nói pháp Bồ-tát nhưng không trông mong chứng đắc nên gọi là chuyển giáo. Phó tài, ở thế gian thì bảy báu của Trưởng giả là tài, còn xuất thế gian thì Pháp Vương Bát-nhã là tài. Nếu ước theo ý Phật, lấy Bát-nhã này gia bị cho hai người thì tức là Phó tài. Như ở Nhị thừa chỉ nói là Giai thuyết. Cho nên Đại Phẩm nói rằng: Há hàng Thanh văn dám nói ra điều chi, nếu có nói ra thì đều là do sức Phật. Nếu ước theo ý hóa độ thì chỉ là lãnh biết gia nghiệp, kín đáo hoàn thành lợi ích riêng, đến thời Pháp Hoa mới được gọi là Phó tài. Nên kinh nói rằng: “Những thứ ta có hiện nay đều là của con ta.” Dung thông, Như Hội bát-nhã thì tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn, chính là Pháp Tam Giáo Dung thông. Không phải là Dung của Viên dung. Như Thích Thiêm nói: Nếu lấy Viên mà bài xích Tam và lấy Viên mà bài xích Tạng thì Viên dung là Viên. Hoặc lấy Tam Giáo mà chê

Tạng thì tức là Dung thông làm Dung. Đào thải, Đại luận nói Đào thải là giặt rửa lóng trong, lấy nước không tuệ mà lắng lọc chọn lựa vậy. Thích Thiêm nói: Phương đẳng quả trách hơi khác nghĩa “Cộng”. Nay Kinh Bát-nhã này chính là Cộng Bộ. Phụ Hành nói: Dụng phụ là Thông giáo, dụng chánh là Biệt Viên, gia bị cho hàng Nhị thừa kín đáo hoàn thành lợi ích riêng. Thích Thiêm lại nói: Trước đối với Phương đẳng nghĩa đã thành Thông cho nên đến thời Bát-nhã thì chỉ cần hai thứ này. Nói bất cộng, là nói ý của bộ. Ý tuy không Cộng nhưng còn có Phương Đẳng mới nhận Tiểu thừa. Đến đây thì cần có Thông. Cũng có người ở bên Đại thừa mà được Tiểu thừa. Thế nên phải gồm dùng. Nay ước về Thiên và Viên đối nhau mà luận, nên nói là kèm theo hai thứ để nói Viên. Như Nhân Vương Bát-nhã nói bốn kệ Vô thường khuyên vua Phổ Minh từ ngôi bỏ nước, thì nghĩa giống ba tạng, nói về trợ đạo, không phải là ý chính của bộ.

Nếu ước theo thời thì ở trong vòng (Thích Thiêm quyển một, Ngu cũng viết là Ngung, nói thời gian đã qua lúc mặt trời sắp đứng bóng nhưng còn ở vòng ngoài, nên gọi là Ngu Trung. Lại âm dương gọi Dân Thân Tỵ Hợi là bốn Ngung).

Nếu ước theo vị thì nó là từ sinh tô sinh ra thực tô. Đây là từ Phương đẳng sinh ra Bát-nhã (Huyền Thiên quyển 1), phẩm Tín Giải nói: Lúc bấy giờ Trưởng giả có bệnh tự biết mình không bao lâu nữa sẽ chết (Văn cú - cơ đến là sinh, cơ hết là diệt, hóa cơ sắp hết nên không bao lâu sẽ chết) nên bảo kẻ cùng tử rằng ta nay có nhiều vàng bạc châu báu (Lý thì không nhiều nhưng ước theo các môn nên nói là nhiều. Vàng này là dụ cho Lý Biệt giáo, Biệt ở Bồ-tát tức là Bất cộng Bát-nhã. Lý được nói là hai giáo Biệt viên. Bạc là dụ cho Lý Thông giáo cùng Nhị thừa đồng chứng, tức là cộng Bát-nhã. Lý được nói là Thông giáo. Lý Bát-nhã không ngoài hai thứ này. Châu báu: là nói về tất cả pháp môn). Kho lẫm đầy tràn bao nhiêu trong đó đều lấy cho con, con nên biết rõ (là Định môn tức một trăm lẻ tám thứ Tam-muội, còn kho là tuệ môn tức là mười tám Cảnh không. Kho lẫm định tuệ hai thứ Thông Biệt đều bao gồm tất cả thiền định trí tuệ, trong đây ngoài tràn, Bồ-tát hành trì Bát-nhã nên biết rõ hai môn rộng hẹp, nên gọi là bao nhiêu. Tự làm là lấy, dạy người là cho). Kẻ cùng tử lãnh lệnh lãnh biết mọi vật nhưng không có ý mong lấy một bữa ăn (Thiện Cát tuy nói Bát-nhã nhưng tự bảo là ta không có phần ấy). Song anh ta vẫn ở chỗ của mình (cũng ở bậc A-la-hán). Đây hiểu nghĩa như thế nào? Đây là từ sau Phương đẳng Kế đến nói Bát-nhã, Bát-nhã Quán Tuệ tức là nghiệp nhà trải từ danh

sắc cho đến chủng trí, tức là các vật. Thiện Cát... chuyển giáo tức là nhận biết. Chỉ nói cho Bồ-tát mà mình không tự chứng, nên không trông mong nhận lấy (Huyền Kinh quyển 10).

Năm thứ hai mươi bốn (Quý Mão), Phật ở tại núi Linh thúu, vườn Cấp-cô-độc, cung trời Tha hóa tự tại và Trúc lâm cả bốn chỗ mười sáu Hội nói kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật (núi Linh thúu ở cách thành Vương xá năm dặm trong nước Ma-già-đà, Trúc lâm ở gần bên thành, còn vườn Cấp cô thì ở nước Xá-vệ, đều thuộc Trung Ấn Độ).

Bản đồ bốn chỗ - mười sáu hội

<i>Đại Phẩm (đời Tấn, La-thập dịch). Phóng Quang (đời Tấn, La-xoa dịch).</i>	<i>Hội thứ 1, ở núi Linh thúu nói bốn trăm quyển, bảy mươi bảy phẩm (đơn dịch).</i>	
<i>Quang Tán</i>	<i>Hội thứ 2, ở núi Linh thúu nói bảy mươi tám quyển, tám mươi lăm phẩm (trùng dịch).</i>	
<i>Tiểu Phẩm</i>	<i>D o La- thập và Trúc Sóc Chi Sấm dịch</i>	<i>Hội thứ 3, ở núi Linh thúu nói năm mươi chín quyển, hai mươi hai phẩm (đơn dịch).</i>
<i>Đạo Hạnh</i>		<i>Hội thứ 4, ở núi Linh thúu nói mười tám quyển, hai mươi lăm phẩm (trùng dịch).</i>
<i>Tân Đạo Hạnh</i>		
<i>Đại Minh Độ</i>		
	<i>Hội thứ 5, ở núi Linh thúu nói mười quyển, hai mươi một phẩm (đơn dịch)</i>	
<i>Thắng Thiên Vương</i>	<i>Hội thứ 6, ở núi Linh thúu nói tám quyển, mười bảy phẩm (trùng dịch).</i>	
<i>Văn-thù</i>	<i>Hội thứ 7, ở vườn Cấp cô độc nói hai quyển, không phẩm (trùng dịch).</i>	
	<i>Hội thứ 8, ở vườn Cấp cô độc nói một quyển (đơn dịch).</i>	
<i>Kim Cang (La-thập dịch)</i>	<i>Hội thứ 9, ở vườn Cấp cô độc nói một quyển (trùng dịch).</i>	

	<i>Hội thứ 10, ở cung trời Tha hóa tự tại nói một quyển (đơn dịch).</i>
	<i>Hội thứ 11, ở vườn Cấp cô độc nói năm quyển (đơn dịch).</i>
	<i>Hội thứ 12, ở vườn Cấp cô độc nói giới, năm quyển (đơn dịch).</i>
	<i>Hội thứ 13, ở vườn Cấp cô độc nói nhĩn, một quyển (đơn dịch).</i>
	<i>Hội thứ 14, ở vườn Cấp cô độc nói cần, hai quyển (đơn dịch).</i>
	<i>Hội thứ 15, ở núi Linh thúu nói định, hai quyển (đơn dịch).</i>
	<i>Hội thứ 16, ở vườn Trúc lâm nói tuệ, tám quyển (đơn dịch).</i>

Đại Phẩm Bát-nhã bốn mươi quyển, xét theo Tạng Kinh Mục Sáu nói rằng: Ma-ha Bát-nhã ba mươi quyển, Quang Tán Bát-nhã mười quyển. Ngài Long Thọ dùng bản này viết bộ Trí Độ Luận một trăm quyển. Ngài Trí Giả dựa vào bản Luận này mà viết lời Sớ hai mươi quyển (nay còn ở Cao Ly chưa đến Trung Quốc). Còn mười kinh Phóng Quang, Kim Cang... là dịch khoảng đời Tấn, Tống. Đến đời Đường ngài Pháp sư Huyền Trang mới dịch ra Đại Bát-nhã Kinh sáu trăm quyển. Nên biết mười kinh trước đều là văn trùng dịch. Văn các bộ mà ngài Trí Giả đã dẫn chính là nghĩa trong Đại Phẩm, do ngài La-thập dịch ở đời Tấn, bản này có trước bộ Đại Bát-nhã được dịch ở đời Đường.

Lời thuật rằng: Tứ Giáo Nghi nêu rõ: Các kinh tên Bát-nhã chung riêng và trùng dịch rất khó phân biệt. Nay chỉ nêu chung về kinh Đại Bát-nhã thì như Đại Phẩm, Tiểu Phẩm, Thiên Vương, Văn-thù, Kim Cang... mười kinh đều là trùng dịch từ Đại Bát-nhã, những quyển Biệt Hành nay không nêu ra. Bởi vì Ma-ha tức là Đại Phẩm. Lại Thích Thiêm có nói: Xưa phán định Bát-nhã có năm thời: Một là Ma-ha; hai là Kim Cang; ba là Thiên Vương; bốn là Quang Tán; năm là Nhân Vương. Đây chưa thể dùng được vì Quang Tán chỉ là một phần trên của Đại Phẩm. Xét đây thì lại biết Quang Tán không phải trùng dịch. Câu nói: “Đây chưa thể dùng được là của ngài Kinh Khê để phá chung về lỗi năm thời của các Sư xưa.”

Năm thứ hai mươi lăm (Giáp Thìn), năm thứ hai mươi sáu (Ất Ty), năm thứ hai mươi bảy (Bính Ngọ), năm thứ hai mươi tám (Đinh Mùi), năm thứ hai mươi chín (Mậu Thân), năm thứ ba mươi (Kỷ Dậu), năm thứ ba mươi mốt (Canh Tuất), năm thứ ba mươi hai (Tân Hợi), năm thứ ba mươi ba (Nhâm Tý). Phật ở núi Kỳ-xà-quật trong thành Vương xá nói cho vua Ba-tư-nặc nước Xá-vệ, về Bát-nhã Ba-la-mật mười bốn chánh hạnh. Lại dặn dò vua rằng: “Khi nước sắp loạn thì giặc ngoài đến xâm lấn, mặt trăng, mặt trời và các sao biến đổi, có các nạn lớn về lửa, nước, năm giống thóc không mọc, gió bão nắng hạn... thì phải thỉnh trăm vị Pháp sư, thiết lập trăm cao tòa, mỗi ngày hai thời giảng nói kinh này (nay hai bài giảng văn sớm tối thấy ở đây), bách bộ quỷ thần thích nghe kinh này sẽ hộ trì đất nước ông muôn dân an lạc, vua chúa vui vẻ. Như khi vua đi thì để kinh trên bàn bầy báu cách trước một trăm bước. Như khi vua đứng thì để kinh trên tòa có màn bầy báu, ngày ngày cúng dường như thờ cha mẹ.” Lúc đó mười sáu vua nước lớn nghe pháp xong rất vui mừng liền giao quốc sự lại cho em mình mà xuất gia tu đạo và chứng được tất cả các hạnh của Bát-nhã Ba-la-mật (theo Nhân Vương Vấn Bát-nhã Kinh, Thiêm Nhân Vương nói rằng: “Như Lai thành đạo được hai mươi chín năm thì nói cho ta Ma-ha Bát-nhã. Cho nên biết Bát-nhã ở sau thời Phương đẳng, cũng biết Nhân Vương ở sau Đại Phẩm. Theo kinh Trường A-hàm thì mười sáu nước lớn là nước Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đề, nước Ba-la-nại, nước Tỳ-xá-ly, nước Ca-tỳ-la-vệ, nước Câu-thi-na, nước Kiều-tát-la, nước Kế đến Tân, nước Cửu-lưu, nước Già-la-càn, nước Càn-đà-vệ, nước Sa-đà, nước Tăng-già-la, nước Kiện-noa, nước Quật-xà, nước Ba-đề).

Năm thứ ba mươi bốn (Quý Sửu) Phật thành đạo đã ba mươi năm, ở tại thành Vương xá bảo các Tỳ-kheo rằng: Ai có thể vì ta mà thọ trì mười hai bộ kinh và cúng dường giúp đỡ ta. Lúc đó ngài Kiều-trần-như bạch rằng: “Con xin hầu hạ.” Phật bảo: “Ông đã quá già làm sao giúp ta được, cho đến năm trăm vị A-la-hán Phật đều không nhận. Ngài Mục-liên nhập định thấy Phật để ý A-nan như mặt trời mới mọc chiếu ánh nắng về vách phía Tây, liền bảo Kiều-trần-như. Trần-như nói với A-nan rằng: “Ngài nên hầu hạ Như Lai.” A-nan thưa: Xin Như Lai chấp nhận cho tôi ba điều:

1. Không nhận y cũ của Như Lai.
2. Không theo Như Lai mà nhận thỉnh riêng.
3. Cho tôi ra vào tự do.

Phật bảo: Tốt lắm! Đây đủ trí tuệ để phòng việc chê bai ganh tỵ.

Bởi vì sao? Nếu như có người bảo ông vì cơm ăn áo mặc mà hầu hạ Như Lai, thế nên không nhận y cũ, không theo nhận thỉnh riêng và ra vào đúng lúc thì không thể làm lợi ích rộng lớn cho bốn bộ chúng. Cho nên ta chấp nhận cho A-nan ba điều (kinh Niết-bàn).

Lời thuật rằng: Kinh Niết-bàn nói Phật bảo ngài Văn-thù rằng: “A-nan em ta hầu hạ ta đến nay đã hơn hai mươi năm.” Lại phần sau kinh có nói: A-nan đọc kệ rằng: “Ta làm thị giả đã hai mươi năm.” Cho nên biết năm này mới làm thị giả.

Năm thứ ba mươi lăm (Giáp Dần), năm thứ ba mươi sáu (Ất Mão), năm thứ ba mươi bảy (Bính Thìn), năm thứ ba mươi tám (Đinh Tỵ), năm thứ ba mươi chín (Mậu Ngọ), năm thứ bốn mươi (Kỷ Mùi), năm thứ bốn mươi mốt (Canh Thân), năm thứ bốn mươi hai (Tân Dậu). Đức Phật đến thành Vương xá, thọ trai xong liền bảo La-vân dọn rửa, ông lờ tay để bát rơi vỡ thành năm mảnh. Phật bảo: Sau khi ta diệt độ một trăm năm thì các Tỳ-kheo chia Tỳ-ni tạng thành năm bộ. Một trăm năm sau Cúc-đa Tôn giả có năm đệ tử, mỗi người có chấp thấy riêng:

1. Bộ Đàm-vô-đức, tên pháp là Tứ Phần (Hán dịch là Pháp Mật).
2. Bộ Tát-bà-đa, tên pháp là Thập Tụng (Hán dịch là Nhất Thiết Hữu).
3. Bộ Ca-diếp-di, tên pháp là Ngũ Phần (Hán dịch là Trọng Không).
4. Bộ Di-sa-tắc, tên pháp là Ngũ Phần (Hán dịch là Bất trước Hữu Vô Quán).
5. Bộ Bà-sa-phú-la, bản Luật này không đến Trung Quốc (Hán dịch là Độc Tử). cả năm bộ này đều lấy Tăng-kỳ Luật làm căn bản.

Năm thứ bốn mươi ba (Nhâm Tuất), năm thứ bốn mươi bốn (Quý Hợi), năm thứ bốn mươi lăm (Giáp Tý).

Lời thuật rằng: Phật nói các kinh Bát-nhã đến đây đã được hai mươi hai năm.

3) Thứ ba là Bí mật giáo: Như Lai đối với pháp được tối tự tại hoặc trí hoặc cơ hoặc thời hoặc xứ, ba mật bốn môn đều vô ngại không cần hỏi (Trí là nói về quyền mưu của Đại Thánh, Cơ là nói thứ lớp không đồng. Không chọn về thời gian và nơi chốn, thân khẩu ý mật, tùy bốn môn nào đều vô ngại tự tại thích hợp thời mà lập Hội). Ở tòa này nói đốn mà ở mười phương nói tiệm và bất định; ở mười phương nói đốn mà ở tòa này lại nói tiệm và nói bất định, ở tòa này không nghe mười phương và ở mười phương không nghe tòa này (mười phương và tòa này đối nhau) hoặc đều nói đốn, nói tiệm, đều bất định (căn cứ vào Văn

nghĩa của Thiêm mà thêm ba chữ “đều”. Cũng nên nói mười phương và tòa này đối nhau). Còn mỗi thứ không biết nhau, đối đây mà Hiển mà đối kia là Mật (đây là người không thấy nhau, Pháp không cùng nghe, lẫn lộn không biết nhau thì được ích lợi bất định). Đây là ước tòa này và mười phương đối nhau (Thiêm Khoa). Hoặc vì một người thì nói đốn hoặc vì nhiều người lại nói tiệm, nói bất định. Hoặc vì một người thì nói Tiệm, hoặc vì nhiều người thì nói đốn, hoặc đều tiệm, đều đốn, đều bất định (nghĩa như trước thêm ba chữ “đều”). Mỗi người không biết nhau làm Hiển Mật lẫn nhau (đây là người thấy nhau, pháp cùng nghe, không biết lẫn nhau, thì được lợi ích bất định). Đây là ước một người và nhiều người đối nhau (theo Thiêm Khoa Thiêm nói rằng: Một phương đã thế thì mười phương cũng thế). Hoặc ở một tòa thì im lặng mà mười phương nói hoặc mười phương im lặng một tòa nói, hoặc đều im lặng, đều nói, mỗi thứ không biết nhau, làm hiển mật cho nhau. Đây là ước tòa này và mười phương, nói và im lặng đối nhau (Thiêm Khoa, từ trên đều do Diệu Huyền Thích Thiêm) vả đã mượn ba pháp, hưởng là nói ra tướng của nó.

Bí mật được tên, thì Diệu Huyền nói rằng: Hiển bày bất định. Còn bí mật bất định thì Thiêm Thích nói rằng: Vì đối với bí mật đều cần hiển bày (v.v...) Do bốn vị trước có một loại Cơ mà không hiểu hiển bày nên phải cho vào Bí mật. Thế nên sức Như Lai khó nghĩ bàn đã nói cách ẩn kín, cốt là khiến chúng sinh không biết lẫn nhau, mà được ích lợi cả Đốn và Tiệm vậy.

Bí mật lập thể, thì Thiêm Thích Huyền Văn nói rằng: Thân, khẩu, ý Mật tùy bốn môn nào cũng đều vô ngại. Lại Thiêm nói: Vì Bí mật không ngoài bảy thứ này, nên Dật Đường lấy ba mật bốn môn làm thể cho đương thể, hai lý chân trung làm thể cho sở y, Thạch Pha lấy bảy giáo làm thể cho Sở dụng, tuy đều là có chỗ căn cứ nhưng cần yếu là lấy bảy giáo để làm đủ nghĩa.

Bí mật văn chứng, đây có hai nghĩa:

1. Nghĩa chứa nhóm kinh luận. Diệu Huyền dẫn kinh Niết-bàn, Bồ-tát Ca-diếp thì lập ba mươi sáu câu hỏi. Như Lai khen rằng: Khi ta mới thành Phật cũng có Bồ-tát đến hỏi nghĩa này, câu nghĩa đã hỏi công đức cũng đều như thế (đây là đích thân Phật tuyên nói). Lại Kinh Bát-nhã, các Thiên tử đều xưng lên rằng: Tôi thấy chuyển pháp luân lần hai ở cõi Diêm-phù-đề, nay chuyển giống như lần đầu (đây là chư thiên truyền rao).

2. Tên do ngài Long Thọ dịch ra. Đại Luận giải thích kinh Bát-nhã

nói rằng: Pháp luân của chư Phật có hai thứ: Một là hiển; hai là mật. Chuyển lần đầu thì Thanh văn thấy có tám vạn ức người (đây là Hiển bất định giáo), còn các Bồ-tát thì thấy có vô lượng a-tăng-kỳ người được Vô sinh nhẫn (Đây là Bí mật bất định giáo).

Bí Mật không truyền, Văn Cú nói rằng: Bí mật là giấu kín không truyền. Ký nói rằng: Phật giảng sinh bảy lần không thể thuật lại được. Ngay cả A-nan cũng không nhận được há là sư suy lường của người hoằng giáo, A-nan không phải không truyền bí mật, nhưng vì ứng cơ Bí mật nên không truyền đó thôi. Cho nên Bí mật không dùng mà chỉ toàn là Hiển lộ thế nên truyền bí mật cũng gọi là truyền Hiển. Các Sư đều nói rằng: Các Thánh ứng cơ bí mật vẫn không biết lẫn nhau, cho nên không thể truyền. Như trong Niết-bàn, Như Lai đích thân tuyên nói Bát-nhã. Cho nên các Thiên tử rao truyền đều kết tập thành văn, lại thành Hiển lộ nên có thể truyền vậy.

Bí mật hoành bị, Thiêm nói rằng: Bí mật hoành bị không thời nào không khắp (v.v...) há đối với Pháp Hoa mà có bí mật ư? Cần biết Hiển lộ là luận dọc thì tuy ở tại bốn thời nhưng có Hoa Nghiêm - Lộc uyển là Đại Tiểu thừa cách biệt nhau. Còn bí mật là luận ngang thì cả ẩn Hiển ở tại Cơ, không thời nào không khắp, nhưng khắp ở bốn thời trước chứ không khắp ở thời Pháp Hoa. Lại Thiêm nói rằng: Năm vị thì đường tiến dọc, đều có bán, mãn, bí mật, bất định. Đây là giải thích văn Diệu Huyền để phá các Sư phương Nam chỉ dùng năm vị (chỉ được Phương Tiện), các Sư phương Bắc riêng dùng bán mãn (chỉ được Kỳ thật). Nay các nhà dùng năm vị thành bán mãn, bán mãn thành năm vị. Cho nên nói rằng: Vị nào cũng đều có bán mãn bí mật và bất định. Đây là giải nghĩa để thành nhau một lượt như thế không phải là bảo trong Pháp Hoa thì có bốn vị bí mật bất định của các thời trước. Cho nên văn Diệu Huyền nói rằng: Huyền thật đều dạo chơi như Chim có hai cánh, tuy lại đều dạo chơi (năm vị Bán Mãn đều dùng) hàng tàng đúng chỗ (năm vị bán mãn chung thành gọi là hành, nghĩa là chữ Mãn chung thành vị đề hồ của Pháp hoa. Chỉ khi biến khắp bốn vị Bán Mãn thì gọi là Tàng, nghĩa là chữ Mãn không đến được vị đề hồ của Pháp Hoa).

Pháp Hoa không phải bí mật mà là bí mật (Huyền Văn). Pháp Hoa là Hiển không phải mật. Lại nói rằng: Pháp Hoa là bí mật còn Bát-nhã không phải bí mật. Thiêm nói: Cái trước là Hiển không phải bí mật, nghĩa là không phải mật của giấu kín. Như ở giáo trước có hàng Nhị thừa phát tâm không khiến cho kẻ chưa phát tâm biết được, thế nên là ẩn. Nay xem Bát-nhã là mật thì đây là cái mật của Diệu bí (kín nhiệm)

không có trong Bát-nhã nhưng rất cao quý trong Pháp Hoa. Lại Diệu Huyền nói rằng: Bát-nhã không nói Nhị thừa làm Phật, nên không phải bí mật. Lại Diệu Huyền dẫn Đại Luận nói là các kinh khác không phải bí mật, Pháp Hoa là bí mật. Thêm nói: Không phải bí mật trong tám giáo, chỉ là cái trước chưa nói là Bí mà mở rồi thì không còn là Bí nữa (tức hơn bốn mươi năm không hề nói).

Ba nghĩa bí mật, Thêm nói: Cần biết rằng Bí mật lợi đồng mà nghĩa khác (v.v...). Nay nêu các văn đủ nói lên ba nghĩa:

1. Chân Bí. Huyền nói Pháp Hoa là bí mật. Thêm nói: là mật của Bí diệu.

2. Ẩn bí, Tự có hai nghĩa Phật và Đệ tử. Huyền dẫn kinh nói rằng hơn bốn mươi năm giấu kín không nói. Đây là điều ngày xưa chưa nói, đứng về phía Như Lai là Bí vậy. Diệu Lạc nói rằng: Trong ba lượt tư luận là Bí. Pháp nói mỗi lượt thì có Đại xa nghe được Mật giáo. Đây gọi là hàng lợi căn lượt đầu. Tham dự hiểu rõ các việc Thí Dụ Nhân Duyên đối với hàng Trung Hạ chưa ngộ nên gọi là Mật. Mật này có chỗ được nghe nên đứng về phía Đệ tử là Bí vậy.

3. Bí mật, tức Diệu Huyền đã lập giáo Bí mật. Như Lai kín đáo ứng cơ không biết lẫn nhau. Thêm nói đó là mật của Ẩn mật vậy.

Thứ tư là Bất định giáo. Do bốn vị trước có cơ phát bất định, nghe Đại thừa chứng Tiểu thừa hoặc nghe Tiểu thừa chứng Đại thừa. Ở trong nói Tiệm lại được ích lợi về Đốn, ở trong nói Đốn lại được ích lợi về Tiệm. Đây là có phân biệt về hai nghĩa Bộ giáo:

1. Ước về bộ mà luận dọc, tuy ở Cao sơn nói về Đốn, Tịch trường Bất Động mà vẫn đi du hóa ở Lộc uyển (Đây là chỗ bất định. Thêm nói: Đây bất động bất ly bay lên du hóa. Đây là chỉ cho Tiệm nói bắt đầu từ Đốn giáo, bất động ở Đốn mà vẫn dạy Tiệm). Tuy nói bốn Đế sinh diệt mà không ngại, không sinh không diệt (Đây là pháp bất định. Lộc uyển tuy có dạy Tiệm mà không bắt đầu ở Đốn, hai vị đã thế, các vị khác đều chuẩn theo đây). Tuy nói cho Bồ-tát về Phật cảnh giới nhưng vẫn có hàng Nhị thừa được đoạn trí. Tuy chỉ năm người chứng quả mà không ngăn được tám vạn chư thiên được Vô sinh nhẫn (Đây là nghĩa bất định). Nên biết tức Đốn mà Tiệm (ở Đốn mà được ích lợi của Tiệm), tức Tiệm mà Đốn (ở Tiệm mà được ích lợi của Đốn - Thêm nói: Tuy chỉ cho Bồ-tát Phương đẳng và Bát-nhã nhưng ở hai thời đó đều có Tiểu quả, mới được và đã được như thường nói. Tuy năm người chưa chứng quả nhưng không ngăn được tám vạn chư Thiên được Vô sinh nhẫn (Đây chỉ là lại bắt đầu Tiệm giáo nói Bát-nhã cho nghe. Trước là

căn cứ về Pháp, đây là căn cứ về người. Đắc quả không giống nhau nên chứng pháp bất định).

2. Ước theo giáo mà luận ngang. Trong vị sửa được Biệt viên đối nhau để biện Bất định. Giáo môn trong vị lạc tuy không có hai thứ khác nhau, bèn cùng với tám vạn một người đối biện. Sinh tô và thực tô thứ ba và bốn đối biện (Bát-nhã kèm cả thông, biệt, viên là ba, Phương đẳng bốn giáo nói chung là bốn) nên biết là Bất định, ước bộ ước giáo khắp bốn thời trước (đều thấy ở Diệu Huyền, Thích Thiêm).

Bất định được tên, Huyền Văn. Cả đất Nam - Bắc đều dùng chung ba thứ giáo tướng: Một là Đốn; hai là Tiệm; ba là Bất định. Lại các Sư xưa riêng lập Phương Bất Định. Nghĩa là không phải thứ lớp riêng làm một duyên. Như Kim Quang Minh, Thắng Man..., là vậy. Biết tên bất định đưa ra bởi các Sư xưa. Thiên thai đã thêm Bí mật là bốn giáo thì mới đủ nghĩa.

Bất định bày thể, Chỉ quán, Diệu Huyền, Tứ Giáo nghi dẫn kinh Tịnh Danh nói Phật dùng một thứ tiếng diễn nói pháp, chúng sinh tùy loại mỗi người đều hiểu. Đây là dẫn chứng về Bất định. Nay các Sư dùng một thứ tiếng để làm thể của Đương thể, hai Lý chân trung là thể của Sở y (nghĩa là một tiếng chung cả Đại Tiểu thừa đều hiểu đầy đủ). Văn Bất định làm chứng. Diệu Huyền dẫn Đại Kinh hoặc có thời nói sâu, có thời nói cạn, ứng hỏi liền ngăn, ứng ngăn liền hỏi (Thiêm ứng hỏi, nghĩa là đặt câu hỏi (Thụy Ứng), ngăn, nghĩa là đáp câu hỏi. Hỏi và đáp ngang hàng nên thành Bất định).

Huyền Kinh dẫn Đại Kinh nói bỏ độc trong sửa thì có thể giết người. Cho đến đề hồ cũng có thể giết người (v.v...). Chỉ Quán dẫn kinh Tịnh Danh nói: Phật dùng một thứ âm thanh mà tất chúng sinh mỗi người đều hiểu hoặc có sợ sệt (thế giới) hoặc có vui mừng (làm người) hoặc sinh chán ghét (đối trị) hoặc hết nghi ngờ (đệ nhất nghĩa). Đây là Như Lai thần lực Bất cộng pháp (v.v...) Thiêm dẫn Đại Luận nói: Chuyển lần đầu thì tám vạn người được Vô sinh nhẫn; ông Kiều-trần-như được Sơ quả. Đây là bằng chứng về bất định giáo vậy.

Để chất độc bất định, Huyền dẫn kinh Niết-bàn nói năm vị trí với ngôi vị Tứ Giáo (ba giáo trước, giáo nào cũng đều thành năm vị, đầy đủ ở Huyền Văn). Cho nên biết ba giáo năm vị trước đều thô, Viên giáo một vị đều diệu (có người bảo nên nói năm vị đều diệu. Kinh nói: Ví như người bỏ chất độc vào sữa thì có thể giết người. Cho đến vị đề hồ cũng có thể giết người).

Đây là ví dụ về dụng của hai thứ: Một là căn cứ chung về Đốn

Tiệm nói giáo Bất Định mọi nơi đều thấy được Phật tánh; hai là căn cứ về hạnh bất định. Tâm hạnh của người tu ví như sữa, Thật tướng ví như chất độc. Chất độc này có công năng giết người. Đây là nói trí tuệ có sức phá tan Vô minh, từ nhiều kiếp lâu xa đến nay nói cái độc thật tướng đặt trong sữa tâm kẻ phàm phu và cái tuệ độc phát sinh không thể định được. Hoặc phát sinh ở vị đầu, hoặc phát ở vị sau, không thể xét định được thứ tự. Cho nên nói bỏ độc trong sữa cho đến vị đề hồ, trong cả năm vị đều có nghĩa giết chết... Nếu ở trong Viên giáo mà phát khởi, lần đầu tiên nghe kinh liền phát vô minh mà thấy Phật tánh là trong vị sữa giết người. Còn sáu căn thanh tịnh trở đi thì là lạc, sinh tô, thực tô... giết người. Nếu bậc Sơ trụ trở đi là vị đề hồ giết người (Huyền Văn, đầu tiên nêu ba giáo trước, tùy ở vị nào kín đáo thấy được Trung đạo tức là trong vị sữa giết người cho đến vị đề hồ giết người. Các Sư xưa nói rằng: Độc là dụ cho Phật tánh, để là dụ cho thể đầy đủ, năm vị là dụ cho năm đường. Lấy một chất độc mà để vào sữa tâm phàm phu thì tùy ở năm đường mà thọ thân khác nhau, nhưng độc tánh vẫn không mất. Khi độc tánh phát ra rõ ràng thì không luận là thuộc thân nào, như ở đại đạo mà phát, tức là ở vị đề hồ mà phát, nghĩa đã bất định nên nói giáo bất định). Một thứ tiếng bất định, Phụ Hành dẫn Khởi Tín Luận nói rằng: Một Viên Âm diễn nói thì các loại khác nhau đều hiểu. Lại trong tám mươi vẻ đẹp của Như Lai thì một âm có thể báo đến các thứ tiếng, các loại khác nhau ở các phương khác nhau đều được lợi ích. Như Lai vốn không dùng tất cả âm từ mà có thể ứng khắp tất cả âm từ, thì cùng đây đồng nghĩa bất định. Thêm dẫn kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “Phật dùng một diệu âm, khắp cõi nước mười phương các tiếng đều đầy đủ, mưa pháp thủy thấm nhuần.” Lại Đại Luận nói rằng: “Muốn được một âm biến khắp mười phương thì phải học Bát-nhã” (đây đều là một âm của Đại thừa). Luận Tỳ-đàm nói rằng: Phật vì bốn vua dùng Thánh ngữ nói bốn đế thì hai vua hiểu, hai vua không hiểu (tiếng Phạm thiên), lại dùng tiếng Tỳ-đà-la nói bốn đế thì một vua hiểu, một vua không hiểu. Lại dùng tiếng Lê-xa nói bốn đế thì bốn vua đều hiểu. Vì bốn vua mỗi người đều có ý niệm không giống nhau. Phật nói ba lần để ứng với các niệm ấy mà giải thích chung về Bí mật bất định. Thêm dẫn Đại Luận nói, chư Phật có hai thứ pháp luân: Một là Hiện; hai là Mật. Chuyển lần đầu thì Thanh văn thấy tám vạn chư Thiên được Vô sinh nhẫn. Các ông Kiều-trần-như chứng được Sơ quả (nay các nhà Bất định lấy làm căn cứ), còn các Bồ-tát thì thấy có vô lượng a-tăng-kỳ người được Vô sinh nhẫn cho đến Thập địa, Nhất sinh bổ xứ thì gọi là Mật (nay các nhà Bí

mật lấy làm căn cứ). Thiêm nói: Diệu Huyền dẫn Đại Kinh nói hoặc có thời nói sâu, có thời nói cạn... thì gọi là Bất Định. Vì do kia đây cùng hiểu lẫn nhau. Nếu Bí mật thì không biết lẫn nhau. Vậy Bất định và Bí mật thì đều là không phát xuất từ đồng nghe khác nhận (Đồng nhận giáo một âm của Như Lai nên nói là đồng nghe. Biết lẫn nhau hoặc không biết lẫn nhau nên gọi là Khác nhận). Lại Thiêm nói: Bất định và Bí mật, chỉ có biết lẫn nhau (Bất định), còn không biết lẫn nhau (Bí mật) là để phân biệt hai thứ khác nhau.

Giải thích chung về Hiển và Mật, Định và Bất định bốn trường hợp:

1. Giáo Hiển lộ nhất định: Người cùng thấy nhau, Pháp cùng nghe, cùng biết lẫn nhau có lợi ích nhất định. Diệu Huyền nói: Như phân biệt trước, chỉ căn cứ vào Hiển lộ mà nói về tướng Tiệm Đốn năm vị. Thiêm nói: Luận chung về Hiển lộ đều thuộc về Tiệm đốn.

2. Giáo Hiển lộ bất định: Người cùng thấy, pháp cùng nghe, cùng biết lẫn nhau, được lợi ích bất định. Diệu Huyền nói: Trong một thời, một nói, một nhớ nghĩ có đủ bất định. Đây bèn là Hiển lộ bất định.

3. Giáo Bí Mật nhất định: Tự nó phân hai, tự có người không thấy nhau, có pháp không cùng nghe, không biết lẫn nhau mà được ích lợi nhất định (đây là tòa này mười phương đối luận). Tự có người thấy nhau, pháp cùng nghe không biết lẫn nhau, được lợi ích nhất định (luận về một người đối nhiều người).

4. Giáo Bí Mật bất định: Tự phân hai. Tự có người mà không thấy nhau, pháp không cùng nghe, không biết lẫn nhau mà được ích lợi bất định (Đây là ở tòa mười phương đối luận). Tự có người thấy nhau, pháp cùng nghe, không biết lẫn nhau mà được lợi ích không nhất định (một người và nhiều người đối luận) Nay hai giáo Bí mật và Bất Định chỉ là Bí Mật Bất Định (Giáo Bí Mật) Hiển lộ bất định (giáo bất định). Văn Diệu Huyền nói: Nay Pháp Hoa là Hiển lộ không phải Bí mật, là Tiệm Đốn không phải Tiệm Tiệm, là Hạp không phải Bất Hạp, là đề hồ không phải là bốn vị kia, là Định không phải Bất định.

Thứ năm là thời Pháp Hoa Niết-bàn

Thuật rằng: Diệu Huyền nói: Nay Phật ở núi Linh thứu tám năm nói pháp. Khi sắp nhập Niết-bàn thì đồng ở tám năm. Đây là thời đồng Diệu Huyền nói Pháp Hoa là yển tiệc của Đại vương. Còn Niết-bàn là vị đề hồ. Đây là vị đồng, lại Huyền Văn nói: Giáo ý của hai kinh thì mở đầu và kết thúc đều đồng. Đây là Khai Hiển đồng. Tứ Giáo Nghi dẫn kinh Niết-bàn nói rằng: Từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra đại Niết-bàn, nên

hợp với Pháp Hoa làm thời thứ năm vậy.

Nói Pháp hoa là như ánh sáng chiếu khắp cao thấp đều bằng nhau hoặc cúi đầu hoặc nói nhỏ, hoặc còn tán loạn, hoặc thiện chút ít đều thành Phật đạo (Thêm nói: Kết chung loại tán loạn và thiện chút ít là không đầu không mở các nhãn thành Phật). Không để có người diệt độ một mình, đều phải lấy cái diệt độ của Như Lai mà diệt độ, đủ như kinh nay đã khéo dùng (Diệu Huyền quyển một). Diệu pháp khó hiểu nên phải nhờ dụ để dễ bày: Vì sen nên có hoa, đây là dụ vì Thật mà bày Quyền (Thêm nói tuy bày Quyền nhưng vốn là Thật). Văn nói: Tuy chỉ bày nhiều thứ đạo nhưng kỳ thật chỉ là Phật thừa (hai giáo làm nhân cho người, Biệt giáo dạy đạo, năm thời tám giáo nên nói nhiều thứ đạo). Hoa nở thì Sen hiện, là dụ cho việc mở quyền hiển thật. Văn Kinh nói: Mở cửa Phương tiện để chỉ bày tướng chân thật (chỉ Thật là Quyền, Quyền ánh che Thật. Gọi cửa phương tiện là nay mở ra chỉ cho Quyền làm Thật, ở Quyền mà thấy được Thật nên mới gọi là mở cửa phương tiện. Chỉ là chỉ bày, tức chỉ chỗ thấy đạo). Hoa rụng thì sen thành là dụ việc bỏ quyền lập thật. Văn kinh nói: Chánh trực bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng (Bỏ là bỏ cái tên riêng, đã mở rồi thì đều Thật, không có Quyền nào có thể luận. Nghĩa đương ở bỏ mà Quyền đổi làm Thật, chỗ bỏ kia cái thể mất tiêu. Nếu còn dính ở duyên sau thì lại thuộc vào bày vẻ ra không phải là ý ở đây. Từ trên là văn về ba ví dụ của Tích môn. Lại sen là dụ cho Bản. Hoa là dụ cho Tích. Từ Bản mà hiện Tích, Tích phải nương ở Bản (Tích không đứng riêng, Bản định hiện ra Bản). Văn Kinh nói: Ta thật thành Phật đến nay đã từ lâu xa (đầu tiên nói Bản), chỉ vì giáo hóa chúng sinh nên phải nói như thế, ta thuở nhỏ xuất gia và chứng được Tam Bồ-đề (chính nói về hiện Tích). Lại hoa nở là dụ cho mở Tích, còn Sen hiện là dụ cho hiển Bản. Văn kinh nói: Tất cả người đời đều bảo rằng đến nay ta mới thành đạo (thuật việc xưa còn mê tích). Ta thật thành Phật đã từ na do tha kiếp (chính nói việc khai Tích). Lại hoa rụng là dụ cho bỏ Tích, còn sen thành là dụ cho lập Bản. Văn Kinh nói: Chư Phật Như lai phép đều như thế (dẫn việc đồng chư Phật) vì độ chúng sinh đều là thật không dối (chính nói việc bỏ Tích, bỏ rồi thì Tích không còn, nên nói là đều Thật. Thật chỉ là Bản, Quyền chỉ là Tích. Không phải Hoa sen không lấy dụ về Quyền Thật. Bản Tích Diệu Pháp không phải là Diệu Pháp này nên không lấy dụ ở hoa sen. Ý chỉ của một bộ không nêu ra Bản Tích. Từ trên là văn về Bản môn ba dụ).

Nhập vào sen nên có hoa, hoa thật đầy đủ, có thể dụ cho tức Thật

mà bày Quyền (vì sen mà có hoa, hoa áng che Thật, vì Thật mà bày Quyền). Thật ở trong Quyền, thể nó không khác). Hoa nở thì sen hiện, có thể dụ cho tức Quyền mà Thật (Cơ chín thì cần mở, mở cái hay che của nó. Ý mong quả gần gọi đó là che. Bỏ quả gần kia thì gọi là mở, mở cái mở vào, tức là cái hay che kia vậy). Hoa rụng thì sen thành, sen thành rồi cũng rụng, có thể dụ cho không phải Quyền, không phải Thật (Hoa rụng là dụ cho không phải Quyền, sen thành là dụ cho không phải Thật. Mở rồi liền bỏ, lúc đó không có đường nào khác. Mở lý giáo hạnh nhân. Vì đồng một lý nên thật đã lập rồi thì đồng ngầm có ba đức, cho nên biết ba đức không phải là Quyền Thật). Các nghĩa như thế... cho nên Hoa sen dụ cho Diệu Pháp (Diệu Huyền quyển một).

Nói khai Quyền hiển Thật, tức là mở hội Đốn Tiệm trước mà nhập vào chỗ không phải Đốn không phải Tiệm (Tập giải nói rằng: mở cái Đốn của Hoa Nghiêm, cái Tiệm của ba thời. Bốn thời ba giáo đều là chỗ mở không đồng với Hoa Nghiêm. Cầm điếc nên không phải Đốn không đồng với ba thời. Thứ lớp nên không phải Tiệm. Nay Kinh khai hiển không thứ nào là không thành Phật. Cho nên nói từng nhập vào chỗ không phải Đốn, không phải Tiệm). Nói Quyền Thật thì tên chung cả xưa nay, nhưng ý nghĩ không đồng (ba giáo trước Quyền Thật bất tức, Đại Tiểu thừa cách nhau. Pháp Hoa thì Quyền Thật không hai, Quyền tức là Thật, ngoài Thật không Quyền. Nghĩa này không giống với Kinh xưa. Quyền Thật tùy thuận, cơ nghi tất đàn gặp nhau mà thôi. Kinh này vì Thật mà bày Quyền thì ý ở tại thật. Mở Quyền hiển thật thì ý ở tại Quyền. Ý này không đồng). Cho rằng Pháp Hoa trở về trước thì Quyền Thật không đồng, Đại Tiểu thừa cách nhau (Hoa Nghiêm là Đại thừa ngăn cách với Tiểu thừa. Lộc uyển là Tiểu thừa ngăn cách với Đại thừa. Phương đẳng đồng tòa, Đại Tiểu thừa đều nghe. Bát-nhã Dung thông căn cứ vào người mà thành ngăn cách, nghĩa thấy ở Huyền Văn). Như thời Hoa Nghiêm thì một Quyền một Thật (Quyền là Biệt, Thật là Viên, mỗi thứ đều không tương tức nhau. Vả lại lấy Hoa Nghiêm mà luận ba Tiệm, khá biết). Vì sao? Vì bộ Đốn đầu thì một thô một diệu. Một diệu thì cùng Pháp hoa không hai không khác. Nếu là một thô thì cần phải đợi Pháp hoa mở hội bỏ xong, mới bắt đầu gọi là diệu (một diệu mà không khác, thì ước theo giáo hiển thật là đồng nhau. Còn một thô mới được diệu thì điểm lại các cách biệt ở trước tất thấy rõ dung và tức). Kế đến thời Lộc uyển thì chỉ thô mà không diệu (chỉ một tạng giáo). Còn Phương đẳng thì ba thô một diệu (tạng, thông, biệt là thô, còn viên giáo là diệu). Bát-nhã thì hai thô một diệu (thông, biệt là hai

thô, viên là diệu, đây trở về trước là ý nghĩa khắp các thời xưa). Kịp đến Pháp hoa hội thượng gồm mở, hội, bỏ bốn vị thô ở trước (mở bốn vị thô ở trước, hội bốn vị thô ở trước, bỏ bốn vị thô ở trước, cho nên chỉ dùng chung một chữ gồm, gọi là mở, hội, bỏ) khiến thành một Diệu thừa (ở bốn thời trước có hai giáo của Nhị thừa, ba giáo của Bồ-tát, Nhân lý giáo hạnh thô thiếu sai khác. Đến nay thì Pháp Hoa hoàn toàn vi diệu. Biệt Hạnh Ký nói: Vì Thật mà bày Quyền, khai Quyền hiển Thật; hội Quyền quy thật, bỏ Quyền lập Thật. Thứ Quyền thật này các bộ khác dứt khoát không có, đây là ý nghĩa thời này vậy). Các vị Viên giáo lại không cần mở, vốn tự Viên dung không đợi phải mở vậy (ở Viên Đốn xưa không cần mở mà tự Diệu. Trong thời Hoa Nghiêm thì Phổ Hiền, Phổ Nhân ba thứ không sai khác tập hợp cả Nhiễm Tịnh tất cả đều Viên dung. Tịnh danh khó nghĩ bàn mà lỗ chân lông đều dung nạp lưới tư ích sáng suốt. Tư ích khắp bày không đâu không phải là pháp giới. Các pháp Bát-nhã trộn đồng không hai, các pháp viên diệu này cùng với Phật tri kiến của Pháp hoa ngày nay thật không hai không khác, há có thể lại mở ra khiến chúng thành Diệu ư?). Chỉ là kiêm, dẫn, đối, đối trong bộ, cho nên không bằng Pháp hoa thuần nhất không lẫn lộn, riêng được tên diệu, rất đáng tin vậy (Hoa Nghiêm kiêm ở hàng bố sai khác, Lộc uyển chỉ một thứ thô sinh diệt Phương đẳng Đại thừa đối với Tam tạng là Bán. Còn Bát-nhã có phương tiện đối, thông, biệt. Cả bốn vị này không bằng Pháp Hoa thuần nhất Phật thừa, chỉ nay gọi diệu thì nghĩa là thế).

Cho nên Văn kinh nói: Trong mười phương Phật độ chỉ có một thừa pháp, không hai cũng không ba (chỉ có một thừa Viên Diệu, không có Thông giáo Bán Mãn đối nhau hai thứ, không có ba thừa trong Tam tạng, không có hai Đối của Bát-nhã, không có ba thứ đối nhau của Phương đẳng. Nghĩa này rút ra từ Văn Cú. Kệ thấy ở chương tổng chư Phật. Đây là văn chứng tỏ giáo chỉ có một). Chính gặp lúc bỏ phương tiện chỉ nói đạo vô thượng (ba giáo phương tiện chỉ riêng nói Phật tuệ, là pháp trên hết ở thế gian, là con đường thẳng tắt nhất. Đây là văn giáo chỉ có một trong chương Thích-ca. Nay lấy nghĩa của đạo để chứng cho hạnh chỉ có một. Chỉ nói pháp cho Bồ-tát không nói cho Tiểu thừa (Ngày xưa phương tiện gọi là hóa Tiểu thừa, ngày nay khai hiển thật là Bồ-tát như kẻ cùng tử tự cho là khách, Trưởng giả xem thấy thật là con ta, Khai hiển Tiểu thừa làm Phật, cho nên nói rằng không nói cho Tiểu thừa. Bồ-tát thì trên cầu Phật dưới hóa độ chúng sinh, nhân ắt dẫn đến quả. Cho nên nói rằng chỉ gọi Bồ-tát. Đây là theo nghĩa dẫn văn để chứng cho người chỉ có một. Nếu căn cứ vào Kệ ở chương chư Phật

thì nói rằng chỉ giáo hóa Bồ-tát. Là pháp trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ (Chúng sinh và chánh giác nhất như không hai, tất cả không ngoài Như, đều lấy Như làm vị. Chánh giác xuất thế cũng lấy Như làm vị, cũng lấy Như làm tướng. Thế gian và chúng sinh lại cũng thế. Tướng thế gian đã thường trụ, há không phải là Lý chỉ có một (thấy trong Văn Cú...).

Thiền nói rằng: Tướng có thể biểu thị bằng cờ xí, vị có thể ở lâu, tướng vị của chúng sinh và Phật không khác, hiển mê tức Lý, Lý tức thường trụ, Phật và chúng sinh luôn khế hợp với Lý đó. Nay lấy chương Phật vị lai để dẫn chứng về Lý chỉ có một. Lúc đó người chưa được diệu chỉ Pháp hoa mà chỉ thấy trong bộ có các ví dụ về ba xe, kẻ cùng tử, hóa thành... bèn cho là không bằng các kinh khác. Bởi không biết việc nên lại sự quyền biến của bốn thời trước để hiển bày ra xe lớn. Chỉ giao phó nghiệp nhà cốt để đến Bảo sở. Nên đến nỗi phải mang lỗi chê bai (từ trên là rút từ Tứ Giáo Nghi, diệu chỉ tức là cái diệu của Tích môn ba lần hiển khai đầy đủ. Lần đầu nói pháp nhắc lại cái quyền biến của bốn thời, hội ba thừa về Nhất thừa, ngài Thân Tử là bậc thượng căn được thọ ký. Lần Kế đến là nói ví dụ nêu rõ ba xe và một xe. Nói ví dụ về pháp trước, bốn vị đại đệ tử bày ví dụ kẻ cùng tử được gia nghiệp, là kẻ trung căn tín giải được thành Phật. Lần ba là nói giáo hóa mười sáu vị Vương tử và các hàng hạ chủng trung gian nay đã được thọ ký. Có dụ hóa thành bảo sở là hàng hạ căn một ngàn hai trăm Thanh văn... được lợi ích. Người không thấy điều đó nên đến nỗi phải chê bai. Như Sư Thanh Lương, Lý Trường giả... không biết ý chỉ này bèn cho là không bằng vậy).

Nếu ước về thời gian thì mặt trời đứng ngọ, đứng bóng không nghiêng lệch (Pháp Hoa khai hiển thì ba thừa chín cõi đều được ngộ nhập. Cũng như vầng mặt trời đứng ngọ thì khắp nơi đều sáng. Đó là giờ Dần thì chiếu lên núi cao, giờ Mẹo thì đến hang sâu, giờ Thìn thì chiếu khắp đất bằng, giờ Tỵ chiếu trong vùng vầy. Đời Tống hai vị Pháp sư Nghiễm và Quán cùng Thái tử Hà Thừa Thiên đã luận về nước ở giữa và một bên, y theo chu Lễ dùng một thước năm tấc để trên ngọc khuê, lập ra một cái biểu tám thước đến tiết Hạ chí vào giờ Ngọ mà đo bóng mặt trời, cũng có chút bóng thừa ra nên biết ở phương này không phải là nước ở giữa, cũng vào giờ này thì ở Thiên Trúc bóng không lệch nên biết đó là nước ở giữa, bóng một tấc trên mặt đất bằng cả vạn dặm trên trời. Nay nói bóng nghiêng tức là bóng thừa ra một bên.

Nếu ước theo vị thì từ thực tô sinh ra đề hồ, đây là từ Ma-ha Bát-

nhã sinh ra Pháp Hoa (Huyền một - kinh Niết-bàn chỉ nói từ Bát-nhã sinh ra Niết-bàn. Nay Văn Huyền nói sinh ra Pháp Hoa là vì hai kinh đồng một vị nghĩa lập ra đã nói ở đây.

Phẩm Tín Giải nói: Sau đó ít lâu (cách Pháp Hoa không xa) cha biết ý con đã dần thông thái (Cơ không còn cách xa nữa) thành tựu chí lớn (liền phát đại tâm) tự hổ thẹn với tâm trước (muốn cầu Đại Đạo). Nên khi sắp lâm chung (hóa duyên sắp hết) liền bảo người con (đám học trò đã theo học với hai vạn ức Phật) cùng hội họp thân tộc (cả mười phương Pháp thân Bồ-tát có ảnh hưởng, phần lớn đều là đồng nghiệp với Phật Thích-ca ngày xưa) liền tự tuyên nói rằng: Đây là con ta (theo học với ta tức là con ta) đã bỏ ta trốn đi (xưa người này là Đại thừa đã đi vào sinh tử) hơn năm mươi năm (trải khắp sáu thú). Xưa ta ở tại thành này lo lắng kiếm tìm (xưa ở vị Pháp thân thường dùng hai trí quán sát tìm kiếm cơ nào có thể hóa độ) bỗng trong lúc ấy thì được gặp lại (ngày nay mới được cảm ứng đạo giao). Đây thật là con ta, ta thật là cha nó (ta từng ở chỗ hai vạn ức Phật giáo hóa Pháp Đại thừa kết hội với họ làm cha con để định thiên tánh). Nay tất cả bao nhiêu tài vật mà ta có (muôn hạnh muôn đức Đại thừa, hạnh làm nhân, đức làm quả) đều là của của con ta (trước nói chỗ thu vào là chỗ con ta biết chỉ cho Đại Phẩm đã học từ xưa, đã được giao phó Bát-nhã rộng hẹp, cộng và bất cộng pháp. Đây là chính thức giao cho gia nghiệp). Khi kẻ cùng tử nghe cha nói thế, hết sức vui mà thưa rằng: Con vốn không có ý mong cầu điều chi (với Ba tạng thì bản tâm không cầu. Đến Phương đẳng thì tâm thẹn Tiểu thừa mong muốn dứt tuyệt nên không mong cầu. Đến thời Bát-nhã thì tuy lãnh thọ nhưng không cho là phần của mình nên không mong cầu). Nay kho báu này tự nhiên đến (như đây không cầu mà nay tự được).

Đây nên hiểu thế nào? Tức là sau thời Bát-nhã Kế đến nói Pháp Hoa. Trước đã hiểu biết kho tàng các vật, sau không cần nói mà chỉ giao phó gia nghiệp mà thôi. Ví như trước chuyển giao đều biết rõ pháp môn, không cần phải giảng lại Quán pháp, chỉ phá ngay am cỏ cho một xe lớn thọ ký làm Phật (Huyền mười, Thọ là trao cho, Ký là ghi việc. Mở cho Thọ ký đều có chung riêng. Chung là mở cho tất cả chúng sinh đều được làm Phật. Riêng là mở cho kẻ đang nói được ngộ nhập. Chung là ghi cho được A-nậu Bồ-đề. Riêng là ghi rõ tên, nước và kiếp).

Năm thứ bốn mươi sáu (Ất Sửu). Sau khi thành đạo được bốn mươi hai năm Phật nói kinh Pháp Hoa (Cú Ký dẫn luận Pháp Tánh, nói kinh Pháp Hoa có hai chỗ, hai hội. Hội trước là nói ở tại Linh sơn, Hội sau là nói ở trên hư không, sau đó lại trở về Linh sơn, Pháp Hoa lấy vô lượng

nghĩa làm tựa, pháp Phổ Hiền hạnh làm kết).

Pháp Hoa Giáo chủ căn cứ theo lập nghĩa của Tứ minh Pháp Hoa nói ba mươi hai tướng gọi là Tôn đặc, vì đó là Pháp thân, ấy là Sinh thân tức Pháp thân nên là Tôn đặc. Đây là ở chỗ khai quyền mà từ thân thấp kém hiện bày cao quý nên nói là Tôn đặc. Long Nữ muốn trình bày cái tướng Quyền Diệu, nên nói Pháp thân đủ ba mươi hai tướng. Mỗi mỗi tướng này đều là lý hiển hiện Pháp thân khắp nơi. Cho nên ba mươi hai tướng thì tướng nào cũng cùng khắp. Pháp đã đủ muôn Đức thì tướng cũng cần phải đủ. Diệu thân này không gọi là Tôn đặc thì còn thân nào nữa. Đây dứt khoát khác hẳn nghĩa Sinh thân của Tịnh giác đã định. Đến như tức một mà luận ra ba, thì chỉ ba mươi hai tướng diệu lực Như Lai, nếu là Tam tạng thì thị hiện có phần ngang nhau gọi là Sinh thân. Cũng với ba mươi hai tướng diệu lực của Như Lai mà từ chung nhập vào cơ riêng thì thị hiện có phần không bằng nhau gọi là thân Tôn đặc. Cũng với ba mươi hai tướng diệu lực của Như Lai ấy vì Viên giáo Cơ thì thị hiện mỗi mỗi tướng tức là Pháp môn Bản Tánh Sở Cụ gọi là Pháp thân. Do ba Cơ cảm với Như Lai thì tức là một thân mà hiện ra ba tướng.

Năm thứ bốn mươi bảy (Bính Dần), năm thứ bốn mươi tám (Đinh Mão), năm thứ bốn mươi chín (Mậu Thìn). Vua Tịnh Phạn bệnh nặng, nghĩ muốn gặp các con. Khi đó Phật ở tại thành Vương xá cách đó năm mươi do-tuần (Vua cha cai trị nước Ca-duy-la, còn thành Vương xá ở nước Ma-kiệt-đề đều thuộc Trung Ấn Độ, nay nói năm mươi do-tuần tức cách khoảng hai ngàn dặm) bảo Nan-đà, A-nan và La-vân cùng dùng thần túc đến cung vua. Khi bay lên không trung thì phóng luồng ánh sáng lớn chiếu đến thân vua đang bệnh liền được an ổn. Đức Phật lấy tay sờ trán vua nói rằng: “Vua cha giữ tịnh giới, tâm cấu đã lìa, nay nên vui vẻ lắng nghe kinh pháp.” Khi ấy vua cha đang nằm, chấp tay có ý đánh lễ thì liền mạnh chung. Các người họ Thích tảo liệm xong liền đặt quan tài trên tòa Sư tử. Đức Phật và Nan-đề để tang đứng ở đầu quan tài còn A-nan và La-vân dưới chân. Vì muốn dạy kẻ bất hiếu đời sau nên Phật muốn đích thân khiêng quan tài. Bấy giờ đại thiên thế giới tất cả đều rung động. Các trời dục giới và rồng quỷ thần đều đến dự tang lễ. Khi ấy trời Bốn Thiên vương quỳ xuống xin được khiêng quan tài, các vị ấy đều biến thành hình người, Đức Thế Tôn tay bưng lư hương đi trước, cùng đưa đến mộ. Còn một ngàn La-hán ra đến bờ biển thì chất củi Chiên-đàn thơm ngát và đốt quan tài. Các Vương tử thu nhặt hài cốt để trong bình vàng, rồi xây tháp cúng dường. Phật bảo

chúng hội rằng: Vua cha vì tịnh hạnh nên sinh lên cõi trời Tịnh cư (theo Tịnh Phạn Vương Nê-hoàn Kinh, người sinh ở Ngũ tịnh cư thì được quả A-na-hàm).

Xưa vua Ba-tư-nặc (Vua nước Xá-vệ) cầu hôn với Ma-ha-nam dòng họ Thích. Nhà này đem đưa tở gái gả cho và sinh một con trai tên là Lưu Ly. Năm lên tám tuổi Lưu Ly về quê ngoại để học võ thuật. Lúc đó ở đấy mới xây một giảng đường định mời Phật và chư Tăng đến giảng thuyết, Lưu Ly không biết lên ngồi trên tòa Sư tử. Các người họ Thích giận mắng rằng: “Mày là con kẻ hầu sao dám vào đây mà ngồi?”, bèn đánh té xuống đất. Về sau khi lên ngôi vua, Lưu Ly bèn dẫn binh đánh dòng họ Thích. Ngài Mục-liên ba lần bạch Phật, Phật nói: “Đó là duyên kiếp trước nay phải chịu quả báo.” Vua Lưu Ly vào thành bắt các người họ Thích đem chôn chân xuống đất rồi cho voi đạp lên giết chết. Có đến chín ngàn chín trăm chín muôn người, máu chảy thành sông. Lại chọn năm trăm gái đẹp định đem về làm thiếp. Có một nàng mắng rằng: “Ta đâu thèm lấy con của tỳ nữ.” Cả năm trăm người đều mắng thế. Lưu Ly cho chặt tay chân của cả năm trăm người rồi quăng xuống hầm. Khi trở về nước Xá-vệ, anh là Thái tử Kỳ-đà ra chào. Vua Lưu Ly hỏi: “Ta đi đánh bọn họ Thích, vì sao không theo tiếp ta?”. Kỳ-đà đáp: “Tôi không thể giết hại chúng sinh được!” Vua liền rút kiếm giết chết Kỳ-đà. Ông này chết rồi được sinh lên cung trời Đao-lợi. Cả năm trăm cô gái kia than oán vang đến tai Phật. Phật đến bên nói pháp, cả bọn đều chứng Pháp nhãn tịnh, khi chết được sinh lên trời. Đức Phật trở về vườn Cấp cô độc bảo các Tỳ-kheo rằng: “Bảy ngày nữa Lưu Ly và cả binh lính sẽ chết hết”. Đến sáng ngày thứ bảy, vua cùng binh lính kéo đến bờ sông vui chơi. Bỗng nhiên trời sấm sét mưa to gió lớn, vua và binh lính đều bị nước cuốn trôi. Chết rồi liền đọa vào địa ngục A-tỳ (Hán dịch là Vô cứu). Phật nhân đó nói cho các Tỳ-kheo biết là do nghiệp đời trước các người họ Thích đã bắt cá giết chết, nay phải chịu quả báo như thế (kinh Trường A-hàm, theo kinh Hưng Khởi Hành nói thì: Ở quá khứ tại thành La-duyet có một ao rất nhiều cá. Người trong thôn đến bắt. Cá nhảy lên bờ trốn đi. Có một con cá tên Du, một con tên Đa Thiệt, cùng bảo nhau: “Bọn ta không có lỗi gì mà họ đến bắt giết ngang, đời sau ta quyết phải báo thù.” Đám nam nữ trong thôn lúc ấy nay chính là các người họ Thích, còn con cá Du kia chính là vua Tỳ-lâu-lặc (Lưu Ly), Đa Thiệt thì nay là quan tướng quốc tên Ác Thiệt. Lúc đó ta là một cậu bé thấy cá nhảy đi thì vui mừng lấy gậy đánh vào đầu cá. Nên khi vua đánh dòng họ Thích thì ta nhứt đầu. Khi vua Lưu

Ly giết các người họ Thích thì A-nan rất sầu khổ liền đến chỗ Phật nói rằng: Con và Như Lai cùng dòng họ Thích, vì sao Như Lai sắc mặt vẫn rạng rỡ như thường? Phật bảo: Ta tu Không định, ba năm nữa thầy hãy trở lại hỏi ta (kinh Niết-bàn). Ngài Mục-liên đem bốn, năm ngàn người họ Thích mà ngài quen biết bỏ trong bình bát đem giấu trên hư không. Khi vua Lưu Ly kéo quân về, Phật bảo lấy bát ra xem thì tất cả người trong bát đều chết. Nhân đó Phật nói pháp vô thường. Vô số người đều chứng quả Tu-đà-hoàn (kinh Pháp Cú Dụ).

Năm thứ năm mươi (Kỷ Tỵ), năm thứ năm mươi mốt (Canh Ngọ), năm thứ năm mươi hai (Tân Mùi). Mùa Đông tháng mười một đã đến, Phật ở tại giảng đường nhiều lâu của tinh xá Đại lâm, ở nước Tỳ-xá-ly bảo các Tỳ-kheo rằng: Ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn, liền nói cho họ nghe kinh Phổ Hiền Bồ-tát Hành Pháp.

Lời thuật rằng: Thần Chiếu Kinh Sơ nói rằng: Tháng Kiến Tý đã đến dạy chúng hành pháp là phần kết của kinh, thì biết chỉ nói Pháp Hoa trong bảy năm thôi. Nay theo phần kinh đã khai hiển, lại hai kinh Đồng vị nên gọi chung là tám năm.